



Bài báo nghiên cứu

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BIẾN ĐỘNG DÂN SỐ TỈNH ĐỒNG NAI GIAI ĐOẠN 2000-2017

Nguyễn Thị Lý

Trường THPT Nam Hà, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Lý – Email: ntly1207@gmail.com

Ngày nhận bài: 29-8-2019; ngày nhận bài sửa: 25-9-2019, ngày chấp nhận đăng: 20-4-2020

TÓM TẮT

Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu đặc trưng của khoa học địa lí (phương pháp phân tích tổng hợp, so sánh, khảo sát thực tế...) để tổng hợp, phân tích, đánh giá các nhân tố và mức độ ảnh hưởng của chúng đến biến động dân số tỉnh Đồng Nai, thể hiện qua các chỉ số về sự gia tăng, quy mô, cơ cấu và phân bố dân số. Kết quả nghiên cứu cho thấy quy mô và cơ cấu dân số đang thay đổi theo chiều hướng tích cực và nhận biết được nhân tố quyết định tác động đến biến động dân số tỉnh Đồng Nai là nhân tố kinh tế – xã hội (KT-XH). Từ đó, bài viết đề xuất những giải pháp phù hợp nhằm phát huy những tác động tích cực; khắc phục những tác động tiêu cực, góp phần đảm bảo sự phát triển dân số hiệu quả nhất.

Từ khóa: biến động dân số; dân số Đồng Nai; nhân tố ảnh hưởng

1. Đặt vấn đề

Đồng Nai nằm ở gần trung tâm vùng Đông Nam Bộ, khu vực kinh tế phát triển năng động nhất nước ta hiện nay, có diện tích tự nhiên là 5907,2km².

Đồng Nai còn là tỉnh có hoạt động kinh tế công nghiệp phát triển mạnh mẽ hàng đầu cả nước, tỉnh còn là đầu mối giao thông quan trọng nối liền hai vùng kinh tế là Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ. Nằm gần Thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM) - là thành phố lớn mạnh về phát triển công nghiệp và dịch vụ - chịu tác động của hiện tượng lan tỏa đô thị hóa từ TPHCM sang và chịu ảnh hưởng bởi chuỗi lãnh thổ ven thành phố, Đồng Nai có quá trình tập trung dân cư đồng nhất và quá trình đô thị hóa nhanh nhất cả nước. Trong những năm gần đây, Đồng Nai là đầu mối hạt nhân về khoa học công nghệ với những ngành kinh tế có hàm lượng chất xám cao, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế trong nước.

Tỉnh Đồng Nai đang trong quá trình công nghiệp hóa mạnh mẽ, tốc độ tăng trưởng công nghiệp không ngừng tăng lên nên đã thu hút mạnh dân nhập cư. Sự gia tăng dân số do nhập cư vừa là yếu tố thúc đẩy sản xuất, tăng trưởng kinh tế, lại vừa gây ảnh hưởng trực tiếp đến sự tăng trưởng đó.

Cite this article as: Nguyen Thi Ly (2020). Factors affecting the population change of Dong Nai Province from 2000 to 2017. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science*, 17(4), 656-666.

Trong nghiên cứu này, chúng tôi sử dụng phương pháp thống kê số liệu, phân tích tổng hợp và xử lý thông tin để tổng hợp số liệu về dân số trên địa bàn tỉnh Đồng Nai trong giai đoạn 2000-2017, tiến hành đánh giá thực trạng biến động dân số và phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến biến động dân số tỉnh Đồng Nai.

2. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

2.1. Dân số và biến động dân số tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2000-2017

a. Biến động quy mô dân số

Quy mô dân số của tỉnh Đồng Nai năm 2017 là 3027,3 nghìn người. Từ năm 2000 đến 2005, dân số của tỉnh tăng khoảng 1,2 lần (2194,5 nghìn người so với 2039,4 nghìn người), và từ năm 2000 đến 2017 tăng 1,8 lần. Trong giai đoạn 2000-2005, tỉ lệ gia tăng dân số vào khoảng 5% và giai đoạn 2005-2017, tỉ lệ này là 6%. Quy mô và tỉ lệ dân số các tỉnh trong vùng Đông Nam Bộ được thể hiện ở Bảng 1 sau đây:

Bảng 1. Quy mô dân số của các tỉnh, thành vùng Đông Nam Bộ giai đoạn 2000-2017

Năm	2000		2005		2017	
	Dân số (nghìn người)	Tỉ lệ %	Dân số (nghìn người)	Tỉ lệ %	Dân số (nghìn người)	Tỉ lệ %
Đồng Nai	2039,4	19,4	2194,5	18,5	3027,3	18
TPHCM	5226,1	49,8	5911,6	49,7	8643,0	51,1
Bình Dương	742,8	7,1	1030,7	8,7	2051,9	12,1
Bà Rịa – Vũng Tàu	822,0	7,8	913,8	7,7	1098,8	6,5
Tây Ninh	976,3	9,3	1038,4	8,7	1118,0	6,6
Bình Phước	684,6	6,6	797,4	6,7	965,8	5,7
Toàn vùng	10.491,2	100	11.886,4	100	16.904,8	100

Nguồn: Dong Nai Statistical Office, 2000, 2005, 2017

Bảng 1 cho thấy trong giai đoạn 2000-2017, Đồng Nai có quy mô dân số tăng rất nhanh (chỉ sau TPHCM), tỉ trọng dân số giảm nhẹ. Năm 2017, dân số của tỉnh chiếm tỉ lệ 18% dân số vùng Đông Nam Bộ, quy mô dân số chỉ thấp hơn TPHCM, còn lại cao hơn các tỉnh khác trong vùng.

Quy mô dân số trong tỉnh phân hóa theo đơn vị hành chính. Số dân lớn, chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu dân số toàn tỉnh thuộc các đơn vị hành chính như: thành phố Biên Hòa, huyện Trảng Bom, huyện Long Thành, huyện Xuân Lộc lần lượt chiếm 33,2%, 10,1%, 7,8% và 8,0% dân số toàn tỉnh. Bốn đơn vị hành chính này chỉ chiếm 29,58% diện tích toàn tỉnh nhưng lại tập trung 59,1% dân số. Các huyện này nằm trên trục đường Quốc lộ 1. Các huyện phía Bắc của tỉnh bao gồm Vĩnh Cửu, Định Quán, Thống Nhất và Tân Phú chiếm đến 52,4% diện tích toàn tỉnh nhưng dân số lại chỉ chiếm 23,1%. Các huyện phía Nam của tỉnh như Long Thành, Nhơn Trạch, Cẩm Mỹ chiếm 22,2% diện tích và 22,6% dân số toàn tỉnh.

Sự phân hóa về diện tích, dân số và mật độ dân số của các đơn vị hành chính trong tỉnh thể hiện rất rõ nét ở Bảng 2 sau đây:

Bảng 2. Diện tích, dân số và mật độ dân số phân theo huyện, thị, thành phố ở tỉnh Đồng Nai năm 2017

Đơn vị hành chính	Diện tích		Dân số		Mật độ	
	Đơn vị	Km ²	%	Ngàn người	%	Người/km ²
TP Biên Hòa		263,52	4,47	1005,64	33,2	3816,17
Thị xã Long Khánh		191,75	3,25	150,38	5,0	784,24
Huyện Tân Phú		775,96	13,16	168,77	5,6	217,50
Huyện Vĩnh Cửu		1090,87	18,5	152,63	5,0	139,91
Huyện Định Quán		971,35	16,47	212,18	7,0	218,44
Huyện Trảng Bom		325,41	5,52	307,12	10,1	943,79
Huyện Thống Nhất		248,00	4,21	165,27	5,5	666,41
Huyện Cẩm Mỹ		464,45	7,88	155,28	5,1	334,33
Huyện Long Thành		430,79	7,3	236,76	7,8	549,59
Huyện Xuân Lộc		724,86	12,29	240,98	8,0	332,45
Huyện Nhơn Trạch		410,78	6,97	232,31	7,7	565,53
Toàn tỉnh		5897,75	100	3027,32	100	513,30

Nguồn: Dong Nai Statistical Office, 2000, 2005, 2017

Bảng 2 cho thấy khu vực trung tâm của tỉnh, nơi dân cư tập trung nhiều là do nằm trên trục đường Quốc lộ 1, và là nơi có nhiều các khu công nghiệp tập trung, vị trí địa lý thuận lợi, giao thông vận tải thuận tiện. Trong thời gian gần đây, do mở rộng sản xuất các khu công nghiệp, đồng thời có vị trí thuận lợi nên huyện Long Thành, huyện Nhơn Trạch có quy mô dân số tăng nhanh. Mật độ dân số đông nhất thuộc về thành phố Biên Hòa, huyện Trảng Bom, sau đó đến thị xã Long Khánh và huyện Thống Nhất.

b. Biến động cơ cấu dân số

- Cơ cấu theo tuổi

Cơ cấu dân số theo tuổi: Ở Bảng 3, cơ cấu dân số theo tuổi của Đồng Nai từ năm 2000 đến nay có nhiều thay đổi theo hướng giảm tỉ trọng dân số trong độ tuổi từ 0-14 tuổi và từ 60 tuổi trở lên, tăng nhanh tỉ trọng dân số trong độ tuổi lao động từ 15-59 tuổi.

Bảng 3. Cơ cấu dân số theo tuổi tỉnh Đồng Nai năm 2000-2017

Đơn vị: %

Nhóm tuổi	2000	2017
0 - 14	33,7	20,2
15 - 59	57,5	73,6
Trên 60	8,8	6,2

Nguồn: Dong Nai Statistical Office, 2000, 2017

Năm 2000, dân số dưới độ tuổi lao động chiếm 33,7%. Đến năm 2017 giảm xuống còn 20,2%, thấp hơn trung bình cả nước 23,5%. Đây là kết quả của chính sách kế hoạch hóa gia đình là giảm mức sinh và giảm tỉ lệ gia tăng tự nhiên, tạo điều kiện tăng thu nhập, tăng dân trí và phúc lợi xã hội cho người dân. Tỉ trọng dân số trong độ tuổi lao động (từ 15-59 tuổi) tăng nhanh và cao hơn hẳn mức trung bình của cả nước (66,5% năm 2017). Trong cơ cấu dân số năm 2017, số người trong độ tuổi lao động chiếm tỉ trọng cao, đặc biệt là lứa tuổi từ 20-29. Nguyên nhân là số lao động phổ thông nhập cư đến làm việc tại các KCN và đa số là nguồn lao động trẻ. Đây là lợi thế để Đồng Nai có thêm chính sách nhằm đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực để nâng cao năng suất lao động. Số người ngoài độ tuổi lao động chiếm tỉ lệ nhỏ trong cơ cấu dân số và thấp hơn trung bình cả nước (10,3%).

Tỉ số phụ thuộc của Đồng Nai thể hiện ở Bảng 4 như sau:

Bảng 4. Tỉ số phụ thuộc của Đồng Nai, giai đoạn 2000-2017

<i>Đơn vị: %</i>			
Tỉ số phụ thuộc	2000	2010	2017
Chung	42,5	34,8	26,4
Trẻ em (0 -14)	33,7	28,3	20,2
Người già (60+)	8,8	6,5	6,2

Nguồn: Dong Nai Statistical Office, 2000, 2010, 2017

Bảng 4 cho thấy tỉ số phụ thuộc của Đồng Nai nhìn chung đang giảm và cho thấy tỉ số phụ thuộc của tỉnh thấp hơn tỉ số phụ thuộc chung của dân số cả nước là 48% năm 2017, do giảm mạnh tỉ số phụ thuộc người già và trẻ em. Sau 17 năm, tỉ số phụ thuộc giảm đi gần 10%. Tỉ số người già cũng có xu hướng giảm dần nhưng tốc độ lại giảm chậm hơn so với tỉ số phụ thuộc trẻ em.

Từ năm 2000, tỉ trọng người trong độ tuổi lao động (15-59 tuổi) là 57,5% trong khi tỉ trọng dân số phụ thuộc (từ 0-14 tuổi và từ 59 tuổi trở lên) là 42,5%; đến năm 2017, tỉ số phụ thuộc giảm xuống còn 26,4%, tỉ trọng người trong độ tuổi lao động lại tăng lên 73,6%. Đây là thời điểm dân số Đồng Nai bước vào thời kì cơ cấu “dân số vàng”, khi tỉ trọng dân số trong độ tuổi lao động cao gần gấp đôi nhóm dân số phụ thuộc. Việt Nam cũng đang ở trong giai đoạn cơ cấu “dân số vàng” từ năm 2007. Thời kì này mang lại nhiều thuận lợi để tận dụng nguồn nhân lực phát triển kinh tế. Tuy nhiên, nếu không có chính sách phát triển phù hợp thì không những sẽ gây áp lực cho phát triển kinh tế mà còn ảnh hưởng xấu đến xã hội như nhu cầu giải quyết việc làm, nhà ở, an ninh trật tự, môi trường. Vì thế, tận dụng thời điểm cơ cấu “dân số vàng” để đưa ra các chính sách hợp lí, thu hút các nguồn vốn đầu tư, nâng cao chất lượng nguồn lao động đáp ứng nhu cầu thị trường, tăng năng suất lao động, tạo việc làm cho lao động trẻ, đảm bảo an sinh xã hội cho người già, đảm bảo bình đẳng giới, đảm bảo đủ trường học cho trẻ em (Giang, 2010).

- Cơ cấu dân số theo giới tính (xem Bảng 5)

Bảng 5. Cơ cấu dân số Đồng Nai theo giới tính, giai đoạn 2000-2017

Giới tính	2000	2010	2017
Tổng số (nghìn người)	2042,1	2569,4	3027,3
Nam (nghìn người)	997,6	1268,3	1464,8
Tỉ lệ nam (%)	48,8	49,4	48,4
Nữ (nghìn người)	1044,5	1301,1	1562,5
Tỉ lệ nữ (%)	51,2	50,6	51,6
Tỉ số giới tính (nam/100 nữ)	95,3	97,6	93,8

Nguồn: Dong Nai Statistical Office, 2000, 2010, 2017

Bảng 5 cho thấy, so với năm 2000, cơ cấu dân số theo giới tính ít có sự thay đổi (năm 2000, dân số nam chiếm 48,8% thì đến năm 2017 dân số nam chiếm 48,4%). So với cả nước (49,2%), dân số nam vẫn thấp hơn. Tỉ số giới tính (nam/100 nữ) dao động ở mức 5% (năm 2000 là 95,3% đến 2017 giảm xuống còn 93,8%). Tỉ lệ nam giảm 0,4% từ năm 2000 đến 2017, trong khi đó tỉ lệ nữ lại tăng 0,4% trong cùng giai đoạn. Tỉ lệ nữ luôn cao hơn tỉ lệ nam qua các năm. Điều này cho thấy việc phát triển các ngành công nghiệp nhẹ như công nghiệp da, dệt, may mặc, công nghiệp chế biến lương thực thực phẩm dễ thu hút nhiều lao động nữ, nhất là dân số lao động trong độ tuổi sung sức (15-35 tuổi)

- Cơ cấu lao động (xem Bảng 6)

Bảng 6. Nguồn lao động tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2000-2017

Đơn vị: Nghìn người

Nguồn lao động		2000	2010	2017
Trong độ tuổi lao động	Số người	1154,4	1435,52	1818,81
	Tỉ lệ (%)	98,2	98,8	98,5
Dân số trên độ tuổi lao động đang tham gia làm việc	Số người	20,0	16,48	27,19
	Tỉ lệ (%)	1,8	1,2	1,5
Nguồn lao động (nghìn người)		1174,4	1452,0	1846,0

Nguồn: Dong Nai Statistical Office, 2000, 2010, 2017

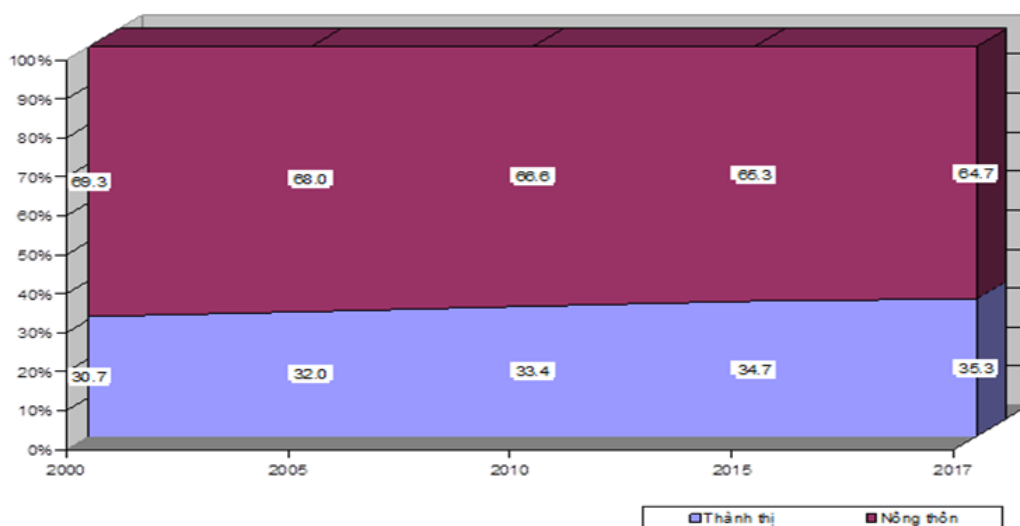
Bảng 6 cho thấy nguồn lao động của tỉnh bao gồm hai bộ phận dân số, đó là dân số trong độ tuổi lao động (15-59 tuổi) và dân số trên 60 tuổi đang làm việc.

Bộ phận dân số trong độ tuổi lao động chiếm chủ yếu trong cơ cấu nguồn lao động và đang tăng nhanh về số lượng và tỉ trọng. So với tốc độ tăng dân số thì tốc độ tăng nguồn lao động nhanh hơn. Nếu giai đoạn 2000-2010 tốc độ tăng dân số trung bình là 2,1%, thì tốc độ tăng nguồn lao động là 23,6%. Giai đoạn 2010-2017 tốc độ tăng dân số là 2,4% thì tốc độ tăng nguồn lao động là 27,1%. Điều này cũng dễ hiểu vì đa số nguồn lao động nhập cư đến Đồng Nai là để giải quyết nhu cầu việc làm, nên số lao động cũng như tốc độ tăng nguồn lao động nhanh hơn tốc độ gia tăng dân số.

c. Phân bố dân cư và đô thị hóa

Theo thời gian, mật độ dân số trung bình của tỉnh và các đơn vị hành chính đều tăng lên tương ứng với sự gia tăng về quy mô dân số. Mật độ dân số tăng nhanh ở những đơn vị hành chính có tỉ lệ gia tăng cơ học cao như thành phố Biên Hòa; thị xã Long Khánh; huyện Trảng Bom, Long Thành, Nhơn Trạch (mật độ dân số năm 2000 đến 2017 của thành phố Biên Hòa tăng nhẹ là do mở rộng địa giới hành chính vào năm 2010). Các đơn vị hành chính còn lại có tốc độ tăng mật độ dân số thấp hơn vì là huyện thuần nông, ít lao động nhập cư, dân số tăng chủ yếu là do gia tăng tự nhiên.

Tỉ trọng dân thành thị của Đồng Nai tăng 4,6% từ năm 2000-2017. Trong giai đoạn này, dân số của tỉnh đa số tập trung ở nông thôn, tỉ trọng dân thành thị tăng tương đối chậm (xem Hình 1).



Hình 1. Cơ cấu dân số phân theo thành thị và nông thôn Đồng Nai, giai đoạn 2000-2017

Về tỉ lệ đô thị hóa theo các đơn vị hành chính, các đơn vị hành chính có tỉ lệ đô thị hóa cao thuộc về các đô thị trong tỉnh, cao nhất là thành phố Biên Hòa (84,8%); thị xã Long Khánh (40,9%); huyện Vĩnh Cửu (18,4%), Long Thành (14,8%), Tân Phú (14,5%); các huyện Định Quán, Cẩm Mỹ, Xuân Lộc, Thống Nhất dân số đa số làm nông nghiệp, một bộ phận nhỏ dân số sống ở các thị trấn, thị tứ ven đường quốc lộ. Dự báo quy mô và tỉ trọng dân số đô thị sẽ tiếp tục tăng trong những năm tới vì một số thị trấn huyện đang phấn đấu nâng cấp lên thành phố thuộc tỉnh như huyện Nhơn Trạch, thị trấn Trảng Bom thuộc huyện Trảng Bom; Thành phố Biên Hòa nâng cấp trở thành thành phố trực thuộc Trung ương vào năm 2030.

2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến biến động dân số tỉnh Đồng Nai

Có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến biến động dân số như vị trí địa lí, phạm vi lãnh thổ, điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và nhân tố KT – XH. Trong các nhân tố trên thì nhóm nhân tố tự nhiên và vị trí địa lí đóng vai trò quan trọng, còn nhóm nhân tố KT – XH giữ vai trò quyết định đối với sự biến động dân số tỉnh Đồng Nai. Trong khuôn khổ bài báo này, chúng tôi chỉ trình bày nhóm nhân tố có tính chất quyết định (nhóm KT – XH).

2.2.1. Mức độ phát triển kinh tế – xã hội

Từ năm 2000 đến nay, hoạt động kinh tế của tỉnh đạt được nhiều thành tựu to lớn. Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân luôn đạt trên 10%, trong đó ngành công nghiệp xây dựng, dịch vụ có tốc độ tăng ổn định, quy mô GRDP của tỉnh không ngừng tăng lên. Cơ cấu kinh tế theo ngành đang chuyển dịch tích cực theo hướng tăng tỉ trọng nhóm ngành công nghiệp – công nghiệp và dịch vụ, giảm tỉ trọng nhóm ngành nông – lâm – thủy sản. Thu nhập bình quân đầu người nhờ vậy cũng tăng lên nhanh chóng, chất lượng cuộc sống người dân được nâng cao. Đồng Nai nằm trong 10 tỉnh, thành có nền kinh tế phát triển hàng đầu nước ta. Tốc độ tăng trưởng kinh tế luôn tăng qua các năm. Năm 2000, tốc độ tăng trưởng đạt 6,4%, đến 2017 đạt 8,6%.

Cơ cấu kinh tế Đồng Nai chuyển dịch nhanh theo hướng CNH, Bảng 8 cho thấy khu vực công nghiệp xây dựng luôn chiếm tỉ trọng hơn ½ trong cơ cấu kinh tế của tỉnh và tăng liên tục qua các năm.

Bảng 8. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2000-2017

Năm	Đơn vị: %		
	2000	2010	2017
Nông lâm ngư nghiệp	22,2	10,4	5,9
Công nghiệp – xây dựng	52,2	54,9	56,4
Dịch vụ	25,6	34,7	37,7

Nguồn: Đồng Nai Statistical Office, 2000, 2010, 2017

Công nghiệp và dịch vụ phát triển nhanh đòi hỏi nhu cầu lao động lớn, điều này không những tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu lao động ở Đồng Nai mà còn tác động rất lớn đến chuyển dịch cơ cấu dân số nông thôn, cơ cấu dân số thành thị, cơ cấu dân số theo lãnh thổ. Như vậy, có thể thấy, tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh là yếu tố quan trọng để tạo ra lực hút cho dân nhập cư, khi môi trường nhập cư thuận lợi cho việc lao động kiếm sống thì tất yếu sẽ thu hút dân cư đến sinh sống.

2.2.2. Vốn đầu tư cho phát triển kinh tế – xã hội

Quy mô vốn đầu tư trên địa bàn tỉnh ngày càng tăng nhanh, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đã huy động được vào phát triển KT – XH trong 10 năm đạt 65.493 tỉ đồng, cơ cấu nguồn vốn bao gồm: vốn của khu vực nhà nước chiếm 29,3% (19.198 tỉ đồng); vốn của khu vực tư nhân và dân cư chiếm 14,7% (9617 tỉ đồng); vốn ĐTNN chiếm

56% (36.678 tỉ đồng). Tổng nguồn vốn đầu tư của tỉnh vào các ngành kinh tế thể hiện ở Bảng 9 sau đây:

Bảng 9. Vốn đầu tư của tỉnh Đồng Nai, giai đoạn 2000-2017

Chỉ tiêu	2000	2010	2017
Tổng số (tỉ đồng)	9373	46.579	69.171
Phân theo nhóm ngành kinh tế (%)	100	100	100
+ Nông – lâm – thủy sản	10,6	8,6	4,7
+ Công nghiệp – xây dựng	56,3	57,2	58,8
+ Dịch vụ	33,1	34,2	36,5
Phân theo thành phần kinh tế (%)	100	100	100
+ Nhà nước	29,0	30,4	32,4
+ Ngoài nhà nước	23,0	18,3	15,4
+ Đầu tư nước ngoài	48,0	51,3	52,2

Nguồn: Dong Nai Statistical Office, 2000, 2010, 2017; Dong Nai People's Committee, 2010, 2016.

Giai đoạn 2000-2010, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đã huy động được 46.579 tỉ đồng cao gấp gần 3,5 lần trong giai đoạn 1996-2000, tốc độ tăng vốn đầu tư phát triển trong 5 năm đạt bình quân 21,8%, cao gấp 1,2 lần so với cả nước (cả nước tăng 18%).

Trong cả giai đoạn 2010-2017, thu hút vốn đầu tư nước ngoài đạt tốc độ tăng bình quân 28,2%; vốn đầu tư của tư nhân và dân cư tăng bình quân 20%; vốn huy động từ khu vực nhà nước tăng bình quân 16,1%, trong đó vốn ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển tăng bình quân 34%. Cơ cấu nguồn vốn bao gồm: vốn huy động được từ khu vực nhà nước chiếm 32,4% (22.411 tỉ đồng); vốn thu hút được từ khu vực tư nhân và dân cư chiếm 15,4% (10.652 tỉ đồng); vốn đầu tư nước ngoài chiếm 52,2% (36.170 tỉ đồng). Huy động tích cực vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đã có tác động đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu của nền kinh tế, đồng thời tạo điều kiện để đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng KT-XH trong tỉnh thời kì vừa qua. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài năm 2017 đạt 2,7 tỉ USD.

2.2.3. Quá trình đô thị hóa

Quá trình đô thị hóa của Đồng Nai diễn ra nhanh chóng. Năm 2000, dân số thành thị chiếm 30,7%, năm 2005: 32,0%, năm 2010: 33,4%, năm 2017: 35,3%. Trong giai đoạn 2000-2017, tốc độ đô thị hóa tăng 4,6% cao hơn mức trung bình của cả nước. Quá trình đô thị hóa tạo ra những thay đổi về phân bố dân cư theo không gian lãnh thổ của tỉnh cũng như tạo ra những thay đổi về sự chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng dần tỉ trọng lao động trong công nghiệp, dịch vụ, giảm tỉ trọng lao động trong nông nghiệp. Trong phạm vi toàn tỉnh, nơi có tốc độ đô thị hóa cao nhất thuộc về thành phố Biên Hòa. Năm 2000, tỉ lệ dân thành thị chiếm 93,9%. Đến năm 2017, dân số thành thị chiếm 84,8%. Tỉ lệ dân thành thị giảm là do thành phố Biên Hòa mở rộng địa giới hành chính phục vụ quá trình đô thị hóa. Các huyện có tốc độ đô thị hóa nhanh kéo theo tỉ lệ dân số thành thị tăng

đều nằm trên trục Quốc lộ 1 như: huyện Trảng Bom (năm 2000 chiếm 4,6% dân số thành thị, năm 2017 tăng lên 10,4% dân số thành thị), thị xã Long Khánh (năm 2000 chiếm 27,5%, năm 2017 tăng lên 49%) (*Dong Nai Department of Labor, War Invalids and Social Affairs, 2017*). Không những tỉ lệ dân thành thị tăng ở các huyện có tốc độ đô thị hóa cao mà quy mô dân số tại các huyện đó cũng biến động như đã phân tích ở mục 2.2.1.

2.2.4. Cơ sở hạ tầng

Tổng chiều dài mạng lưới đường bộ hiện là 6202,7km, có 5 tuyến quốc lộ (QL) chạy qua với tổng chiều dài 244,5km gồm QL1 (đoạn nằm trên địa bàn dài 102,45km), QL20 (75,4km), QL 51 (42,65km), QL 56 (18km) và QL 1K (5,72km). Đây cũng là những tuyến đường trục Bắc - Nam và Đông - Tây lưu thông giữa các khu vực trong tỉnh. Các tuyến đường này tạo động lực để phát triển các đô thị như Gia Ray, Long Khánh, Trảng Bom, Long Thành, Nhơn Trạch, Định Quán, La Ngà, Vĩnh An. Việc nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa các tuyến đường QL không những tác động đến tăng dân số các đô thị kể trên mà còn tạo ra các hành lang phân bố dân cư dọc hai bên các tuyến đường này. Hệ thống bến cảng sông, hàng bách hóa thông qua các bến cảng sông hiện đạt khoảng 142-205 nghìn tấn/năm, còn lại chủ yếu là nguyên vật liệu xây dựng từ khai thác tại chỗ. Các bến cảng chính gồm: bến cảng chuyên dụng của các doanh nghiệp và hàng container. Cảng hàng không quốc tế Long Thành sắp xây dựng sẽ là cửa ngõ đường hàng không vào Việt Nam cho khu vực Đông Nam Á và thế giới.

2.2.5. Chính sách dân số

Các chính sách tiêu biểu của tỉnh về dân số thể hiện qua Nghị quyết số 141/2009/NQ-HĐND “về việc tiếp tục đẩy mạnh thực hiện công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình” nhằm mục đích kiểm soát tình trạng sinh đẻ của dân số ở Đồng Nai, đảm bảo mức sinh thay thế và dần đạt đến trạng thái ổn định của dân số. Chính sách kiểm soát dân số của Đồng Nai và cả nước hiện nay đã làm giảm được tổng tỉ suất sinh dưới mức sinh thay thế là 1,96 con/phụ nữ.

Nhóm chính sách nhập cư, tỉnh đã ban hành chính sách linh hoạt về vấn đề nhập cư đối với thành phố Biên Hòa, hạn chế nhập cư phổ thông bằng chính sách nhập cư có chọn lọc. Đối với các địa phương khác, các chính sách nhập cư tạo điều kiện cho việc nhập cư như huyện Vĩnh Cửu, Định Quán, Tân Phú.

Nhóm chính sách di dân tái định cư, nhằm thực hiện các dự án phát triển kinh tế như xây dựng thủy điện, quy hoạch đô thị mới, giao thông, xây dựng khu công nghiệp, phòng tránh thiên tai, tác động của những chính sách này chủ yếu ảnh hưởng đến biến động phân bố dân cư và cải thiện tình trạng cư trú.

Nhóm chính sách về lao động việc làm, chủ yếu là các chính sách tạo việc làm, nâng cao trình độ cho người lao động cải thiện chất lượng cuộc sống, làm thay đổi về chất lượng và cơ cấu dân số ở Đồng Nai. Ngoài ra, chính sách này có vai trò đặc biệt quan trọng trong

việc giải quyết các vấn đề về dân số lao động ở nông thôn, vùng phụ cận các khu công nghiệp và hạn chế các vấn đề tiêu cực do biến động dân số gây ra.

Nét đáng chú ý là trong từng giai đoạn, tỉnh đã có những giải pháp chỉ đạo phát triển công nghiệp linh hoạt, phù hợp với thực tiễn và xu hướng phát triển. Nếu như ở giai đoạn đầu, Đồng Nai “trái thăm đở” thu hút đầu tư, thì hiện đã thu hút có chọn lọc theo hướng tăng cường chất lượng. Đồng Nai thực hiện ưu tiên thu hút các dự án đầu tư sử dụng công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, thân thiện môi trường, các dự án nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm... Tỉnh cũng tập trung thực hiện chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo chiều sâu nhằm nâng cao sức cạnh tranh trong hội nhập quốc tế và phát triển công nghiệp bền vững, làm động lực phát triển các ngành kinh tế khác.

Các chính sách an sinh xã hội được thực hiện tốt, đời sống của các gia đình chính sách được quan tâm chăm lo; huy động được nhiều nguồn lực xã hội tham gia công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm... Các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục... có nhiều tiến bộ. Thời gian tới, Đồng Nai tiếp tục đẩy mạnh phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nông thôn mới, góp phần tích cực đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Trong đó, tập trung thực hiện chuyển dịch kinh tế theo chiều sâu, phát triển mở rộng các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống, nhất là ở các khu công nghiệp, đô thị và tiếp tục đẩy mạnh các chương trình công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn.

3. Kết luận

Quy mô dân số tỉnh Đồng Nai tăng lên nhưng tốc độ tăng dân số giảm, cơ cấu dân số đang thay đổi theo chiều hướng tích cực và dân cư có xu hướng giãn về vùng ven nhằm mục đích thúc đẩy phát triển kinh tế ở những địa phương thưa thớt. Trong giai đoạn 2000-2017 dân số đã tăng hơn một triệu người, nguyên nhân chính của việc tăng nhanh này là do các nhân tố KT – XH chi phối. Sự biến động dân số đó đã góp phần không nhỏ trong công cuộc phát triển KT – XH của tỉnh. Tuy nhiên, sự biến động đó cũng đặt ra những thách thức lớn cho tỉnh, đặc biệt trong việc phân bố và sử dụng lao động sao cho phù hợp với sự phát triển KT – XH, giải quyết việc làm cho người lao động, an sinh xã hội và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân nhằm phát huy hết tiềm lực kinh tế của tỉnh.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Dong Nai Statistical Office (2000, 2006, 2011, 2016, 2018). *Dong Nai Statistical Yearbook 2000, 2005, 2010, 2015, 2017* [*Nien giam thong ke tinh Dong Nai nam 2000, 2005, 2010, 2015, 2017*]. Dong Nai.
- Giang, T. L. (2010). *Taking advantage of opportunities “golden population” in Vietnam: opportunities, challenges and policy suggestions* [*Tan dung co hoi “dan so vang” o Viet Nam: co hoi, thach thuc va cac goi y chinh sach*]. Hanoi: Hanoi Publishing House.
- Dong Nai Department of Labor, War Invalids and Social Affairs (2017). *2017 Report and 2018 Plan of Labor - Invalids - Social Affairs* [*Bao cao nam 2017 va ke hoach nam 2018 ngành Lao đong - Thuong binh - Xa hoi*]. Dong Nai
- Dong Nai Provincial People's Committee (2010). *Planning on human resource development in Dong Nai province by 2020* [*Quy hoach phat trien nguon nhan luc tinh Dong Nai den nam 2020*]. Dong Nai.
- Dong Nai People's Committee (2010). *Urban Development Plan of Dong Nai Province, period 2010-2020, vision 2030* [*Quy hoach phat trien do thi tinh Dong Nai, giai doan 2010-2020, tam nhin 2030*]. Dong Nai.
- People's Committee of Dong Nai Province (2016). *Report on adjustment of general planning of socio-economic development of Dong Nai province to 2020, vision to 2030* [*Bao cao dieu chinh tong hop quy hoach tong the phat trien kinh te – xa hoi tinh Dong Nai den 2020, tam nhin den 2030*]. Dong Nai.

**FACTORS AFFECTING THE POPULATION CHANGE
OF DONG NAI PROVINCE FROM 2000 TO 2017**

Nguyen Thi Ly

Nam Ha High school, Vietnam

Corresponding author: Nguyen Thi Ly – Email: ntly1207@gmail.com

Received: August 29, 2019; Revised: September 25, 2019; Accepted: April 20, 2020

ABSTRACT

The paper uses the research methods typical of geoscience (the methods of analysis and synthesis, comparison, field surveys, etc.) to synthesize, analyze, and evaluate factors and their impacts on the population change in Dong Nai province as regards the increase, size, structure, and the distribution of population. The research results show that the population size and structure are changing positively and helps to identify the determinant affecting the population change in Dong Nai province, a socio-economic factor. The paper also proposes appropriate solutions to promote positive effects, overcome negative impacts, and contribute to ensuring the most effective population development.

Keywords: population fluctuations; Dong Nai population; influencing factor